

Số: /ĐA-SGDĐT

Đắk Nông, ngày tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Công văn số 8068/UBND-KGVX ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện chế độ, chính sách và thăng hạng chức danh nghề nghiệp đội ngũ nhân viên trường học; Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đắk Nông;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025; cụ thể như sau:

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp, đảm bảo đồng đều về chất lượng là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có tính bước ngoặt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ở các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc trên địa bàn toàn tỉnh, nhằm đánh giá, lựa chọn được đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của chức danh theo từng hạng, qua đó phát huy phẩm chất, năng lực của từng giáo viên, đồng thời đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho giáo viên, động viên, khuyến khích giáo viên không ngừng tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, khắc phục dần sự chưa hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

2. Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

5. Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức kể từ ngày 01/5/2025*).

6. Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học

7. Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;.

8. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

9. Thông tư số 01/2021 ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

10. Thông tư số 02/2021 ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập.

11. Thông tư 03/2021 ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về

quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục Trung học cơ sở công lập.

12. Thông tư số 04/2021 ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục Trung học phổ thông công lập.

13. Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 1/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành thư viện.

14. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư Số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

15. Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 6/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

PHẦN II

THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

I. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý 34 đơn vị giáo dục công lập, trong đó có 101 cán bộ quản lý giáo dục; 1377 giáo viên; 145 nhân viên hành chính.

Trong số 1362 giáo viên có 88 người giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; 101 viên chức quản lý có 35 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; 145 nhân viên hành chính.

II. SỐ LƯỢNG, NHU CẦU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP THEO YÊU CẦU VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 226/QĐ-SGDĐT ngày 29/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc theo đó:

1. Đối với ngạch giáo viên

- Giáo viên Mầm non: Giáo viên mầm non hạng III trở lên;

- Giáo viên Tiểu học: Giáo viên tiểu học hạng III trở lên;
- Giáo viên THCS: Giáo viên THCS hạng III trở lên;
- Giáo viên THPT: Giáo viên THPT hạng III trở lên.

2. Đối với viên chức hành chính

- Văn thư: Văn thư trung cấp trở lên
- Kế toán: Kế toán viên trung cấp trở lên;
- Thư viện: Thư viện viên hạng IV trở lên.

Số lượng viên chức có vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giữ hạng I, tối đa là 160 người, viên chức có nhu cầu đăng ký xét thăng hạng I là 1 người; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giữ hạng II, tối đa là 806 người, hiện có 127, viên chức có nhu cầu đăng ký xét thăng hạng II là 951; Thư viện viên hạng III, tối đa là 29 người, hiện đang có 0 người, nhu cầu đăng ký xét thăng hạng Thư viện viên hạng III là 24; Kế toán viên, tối đa là 34 người, hiện có 6 người, nhu cầu đăng ký xét thăng hạng kế toán viên là 18 người (thiếu 24 người).

Căn cứ thực trạng cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên viên chức trong các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và để đảm bảo chế độ, chính sách cho những viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong năm,

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong năm 2025, cụ thể như sau:

(có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Căn cứ nhu cầu thực tế của đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Nội vụ thống nhất chỉ tiêu thăng hạng và cho ý kiến đối với nội dung thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Phần III

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

I. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

- Lựa chọn được đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định, góp phần vào việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, viên chức làm việc ở các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức giáo dục có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, nhằm thúc đẩy tinh thần lao động sáng tạo, tạo động lực cho sự học tập, rèn luyện để nâng cao chất lượng đội ngũ.

2. Đối tượng là giáo viên

a) Đối tượng dự xét thăng hạng giáo viên Mầm non hạng II lên hạng I

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng II, Mã số: V.07.02.25 đang làm nhiệm vụ giảng dạy tại trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng I.

b) Đối tượng dự xét thăng hạng giáo viên Mầm non III lên hạng II

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng III, Mã số: V.07.02.26 đang làm nhiệm vụ giảng dạy tại trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng II.

c) Đối tượng dự xét thăng hạng giáo viên Tiểu học III lên hạng II

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng III, Mã số: V.07.03.29 đang làm nhiệm vụ giảng dạy tại trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng II.

d) Đối tượng dự xét thăng hạng giáo viên THCS hạng III lên hạng II

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng III, Mã số: V.07.04.32 đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các trường PT DTNT có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II.

e) Đối tượng dự xét thăng hạng giáo viên THPT hạng III lên hạng II

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng III, Mã số: V.07.05.15 đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các trường THPT, trường chuyên biệt công lập, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh hoặc đang giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên trong Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, tin học tỉnh, có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng II.

g) Đối tượng dự xét thăng hạng văn thư viên

Viên chức văn thư đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp văn thư trung cấp, Mã số: 02.008 đang làm nhiệm vụ văn thư trong các trường THPT, trường chuyên biệt công lập, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh hoặc đang giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên trong Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, tin học tỉnh, có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp văn thư viên, mã số 02.007.

h) Đối tượng dự xét thăng hạng Kế toán viên

Viên chức kế toán đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp, Mã số: 06.032 đang làm nhiệm vụ kế toán trong các trường THPT, trường chuyên biệt công lập, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh hoặc đang giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên trong Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, tin học tỉnh, có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Kế toán viên, mã số 06.031.

i) Đối tượng dự xét thăng hạng thư viện viên hạng III;

Viên chức Thư viện đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV, Mã số: V.10.02.07 đang làm nhiệm vụ thư viện trong các trường THPT, trường chuyên biệt công lập, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, tin học tỉnh, có khả năng đảm nhận ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III, mã số V.10.02.06.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN

1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định như sau:

- Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ);

- Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật có vị trí việc làm của chức danh viên chức dự xét thăng hạng;

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

a) Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng giáo viên mầm non hạng II lên hạng I

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liên kế trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời

hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng giáo viên Mầm non hạng III lên hạng II

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và tương đương, có 02 năm công tác liên tiếp trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

c) Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng giáo viên Tiểu học hạng III lên hạng II

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng giáo viên THCS hạng III lên hạng II

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

e) Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng giáo viên THPT hạng III lên hạng II

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề

nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

g) Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng lên văn thư viên

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về công tác văn thư, quy trình nghiệp vụ và các nhiệm vụ cụ thể của văn thư cơ quan;

Có kỹ năng kiểm soát việc bảo đảm tuân thủ đúng thể thức, quy trình, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản hành chính theo quy định của pháp luật;

Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ.”.

- Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch văn thư viên:

Có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương, trong đó nếu có thời gian tương đương với ngạch văn thư viên trung cấp thì thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch. Cụ thể như sau:

Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự);

Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

h) Tiêu chuẩn, điều kiện lên thăng hạng Kế toán viên

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

i) Tiêu chuẩn, điều kiện lên thăng hạng Thư viện viên hạng III

Ngoài đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dưới đây:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;

Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về thư viện;

Có năng lực phân tích, tổng hợp, những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện sử dụng tiện ích thư viện để tiếp cận và khai thác thông tin;

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG, HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với từng loại viên chức.

2. Hồ sơ xét thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

- Các minh chứng đạt tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 80 điểm;

3. Điểm tăng thêm:

- Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng; có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự xét khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế.

- Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

4. Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

5. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;
- b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định của từng chức danh nghề nghiệp.

6. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

Viên chức không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

V. TRƯỜNG HỢP MIỄN XÉT TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

- Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;
- Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;
- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi;
- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.
- viên chức có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên thì được miễn thi tin học khi dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp

VI. DỰ KIẾN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở năm 2025, bao gồm:

Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở năm 2025 tính Đăk Nông theo quy định tại Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phó Chủ tịch là Trưởng phòng TCCB-TC Sở, Ủy viên kiêm thư ký là Phó trưởng Phòng TCCBTC Sở, các ủy viên khác là Hiệu trưởng, giáo viên các đơn vị trực thuộc Sở, mời một số cán bộ, giáo viên Trường chính trị tỉnh, Sở Nội vụ .

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức..

VII. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

1. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trước ngày xét ít nhất 15 ngày, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của tỉnh gửi thông báo triệu tập thí sinh dự xét, thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức cho các thí sinh có đủ điều kiện dự xét.

2. Kinh phí tổ chức xét thăng hạng

a) Kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng sử dụng từ nguồn thu lệ phí xét thăng hạng.

b) Mức thu lệ phí dự xét thực hiện theo quy định tại Thông tư 92/2021/TT-BTC mức thu, nộp, quản lý, sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức

c) Sở Giáo dục chủ trì tham mưu Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp triển khai thực hiện.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Giúp Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2025 Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định hiện hành, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Đề án này và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thông báo cho viên chức, giáo viên về kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; nội dung; hình thức xét; thời gian xét; địa điểm xét; khai mạc; thời gian tổ chức xét;

- Tổ chức thu phí dự xét và sử dụng theo quy định;

- Thành lập các Ban, các tổ giúp việc cho Hội đồng và tổ chức xét theo quy định;

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả xét thăng hạng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đạt thăng hạng;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức kỳ xét theo quy định.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi thăng hạng của tỉnh và các Bộ phận giúp việc cho Hội đồng xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thẩm định hồ sơ, xét duyệt cử viên chức giáo viên tham dự kỳ thi

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp danh sách viên chức giáo viên có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét thăng hạng theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, tham mưu Giám đốc Sở gửi Đề án xét thăng hạng, kèm theo đề xuất số lượng viên chức đăng ký thăng hạng gửi về Sở Nội vụ.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và viên chức dự xét

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức tham gia kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên chịu trách nhiệm về điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất đạo đức, văn bằng, chứng chỉ, thời gian công tác đối với người được cử đi dự xét;

- Triển khai các nội dung có liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức 2025 cho viên chức được biết;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức 2025 đạt kết quả;

- Thông báo kết quả đến viên chức tham dự sau khi có thông báo của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Sở;

- Viên chức phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký dự xét.

Trên đây là Đề án Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở năm 2025.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCCBTC

GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

